

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Địa chỉ: Tầng 3 & 4, tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3791 1818 / Fax: 04. 3791 5808

Website: [www.japan-sec.vn](http://www.japan-sec.vn)



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**NĂM 2017**

Theo mẫu tại **Phụ lục số 04** ban hành theo Thông tư số **155/2015/TT-BTC** ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

**I. THÔNG TIN CHUNG:**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: JAPAN SECURITIES INCORPORATED
- Tên viết tắt: JSI
- Vốn điều lệ (tính đến 31/12/2017): 41.000.000.000 VND (Bốn mươi một tỷ đồng./.)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến 31/12/2017): 30.352.691.603 VND (Bằng chữ: Ba mươi tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm linh ba đồng chẵn./.)
- Địa chỉ: Tầng 3&4, Tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: 84-4-3791.1818 Fax: 84-4-3791.5808
- Website: [www.japan-sec.vn](http://www.japan-sec.vn) Email: [info@japan-sec.vn](mailto:info@japan-sec.vn)

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản được UBCKNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 103/UBCK-GP ngày 16 tháng 1 năm 2009 với tên Công ty CP Chứng khoán Hoa Anh Đào, có trụ sở chính tại tầng 3&7, Tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Công ty được thành lập bởi Tổng công ty Viglacera và có sự tham gia của các cổ đông Nhật Bản là Công ty Chứng khoán Aizawa, Công ty Japan Asia Holdings và Công ty Đầu tư Tanamark với tổng vốn điều lệ là 41.000.000.000 VND.

Các sự kiện nổi bật trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty:

Thời gian	Sự kiện
16/01/2009	Công ty chính thức được cấp giấy phép thành lập với tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào
20/05/2009	Thay đổi Tổng Giám đốc kiêm người đại diện trước pháp luật là ông Yokoyama Norio
22/05/2009	Chứng nhận công ty là thành viên lưu ký chứng khoán
30/06/2009	Công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
10/07/2009	Công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

20/10/2009	Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
13/01/2010	Kết nối giao dịch với sàn UpCOM
11/03/2010	Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản
12/04/2010	Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
21/01/2011	Thay đổi Tổng Giám đốc kiêm người đại diện trước pháp luật là ông Hiramoto Hiroshi
07/06/2011	Chính thức cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến
01/08/2012	Chính thức cung cấp dịch vụ Giao dịch ký quỹ
05/02/2015	Thay đổi Tổng Giám đốc kiêm người đại diện trước pháp luật là ông Atsuhiko Haruyama
16/04/2015	Thay đổi địa chỉ Công ty từ tầng 3 & 7 thành tầng 3 & 4, tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
05/2017	Dừng cung cấp dịch vụ Giao dịch ký quỹ

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

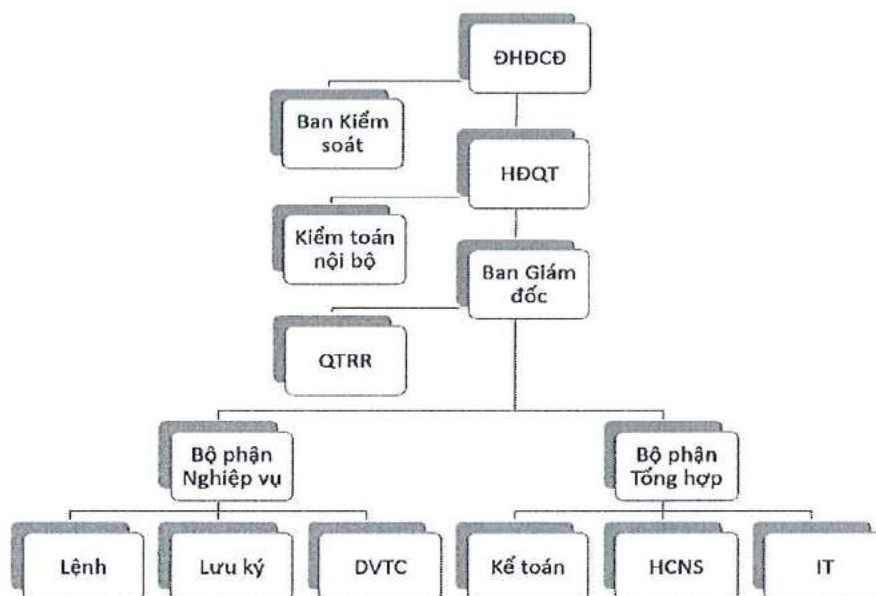
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Hoạt động môi giới chứng khoán;
  - Hoạt động lưu ký chứng khoán;
  - Hoạt động tư vấn đầu tư;
  - Dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán.
- Địa bàn kinh doanh:
  - Hà Nội và các tỉnh lân cận;
  - Nhật Bản và các nước khác.

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, các Phòng Ban nghiệp vụ

- và một số tiểu ban giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát nội bộ và Ban Quản trị rủi ro).
- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau:
    - Hội đồng Quản trị điều hành chỉ đạo về mặt chủ trương, định hướng trung hạn, dài hạn cho toàn Công ty;
    - Ban Giám đốc quản lý, điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền;
    - Các Trưởng Phòng/Ban trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể và chịu trách nhiệm trực tiếp đối với mọi hoạt động của các phòng ban đó;
    - Các tiểu ban giúp việc của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc hoạt động độc lập và chuyên trách có trách nhiệm hỗ trợ Ban điều hành trong việc quản lý và kiểm soát rủi ro, đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ của Công ty được thực hiện một cách chính xác, hạn chế những rủi ro không đáng có phát sinh trong quá trình tác nghiệp.
  - Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Giám đốc, và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành.
  - Để nâng cao hiệu quả quản trị công ty, Ban Giám đốc đã ban hành các qui trình công việc cụ thể cho từng đầu việc, phòng ban, giúp thực hiện công tác quản lý, quản trị nhân sự được thuận lợi. Các qui trình này thường xuyên được các phòng ban cập nhật, hoàn thiện, cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tế tại từng thời điểm.

Cơ cấu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (cập nhật tại ngày 31/12/2017) được tổ chức như sau:



## 5. Định hướng phát triển

- Là công ty chứng khoán đầu tiên ở Việt Nam có sự tham gia điều hành của chuyên gia Nhật Bản và rất có lợi thế trong việc thu hút khách hàng Nhật, Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản vẫn tiếp tục hướng tới mục tiêu trở thành công ty dẫn đầu trong lĩnh vực môi giới chứng khoán cho khách hàng nước ngoài (đặc biệt là khách hàng tại Nhật Bản) và sẽ trở thành cầu nối giữa thị trường vốn Việt Nam và nhà đầu tư Nhật Bản.
- Triết lý kinh doanh của chúng tôi là:
  - Trung thực và Tin cậy;
  - Ổn định và Chất lượng;
  - Phát triển và Cống hiến.
- Trong trung và dài hạn, Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản tập trung vào các chiến lược và phương pháp sau đây:
  - Triển khai chiến dịch marketing để tăng khách hàng tổ chức nước ngoài;
  - Đẩy mạnh giao dịch trực tuyến cho các tài khoản cá nhân;
  - Nâng cao hiệu quả của hệ thống công nghệ thông tin.

## 6. Các rủi ro:

- Công ty chứng khoán thuộc dạng công ty thành lập có điều kiện và được xếp vào diện các định chế tài chính dù với quy mô như thế nào. Do vậy, ở công ty chứng khoán, các rủi ro luôn tiềm ẩn. Ở Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản, việc đối diện và phòng ngừa các rủi ro luôn được sự quan tâm đặc biệt của Hội Đồng Quản trị và Ban Giám đốc công ty.

- Các rủi ro liên quan đến công ty và có thể ảnh hưởng tới sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện các mục tiêu của công ty bao gồm:
  - Rủi ro thị trường: là rủi ro mà giá trị hợp lý các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường được thể hiện thông qua những biến động về lãi suất, tỷ giá hối đoái, chi phí giá vốn...
  - Rủi ro thanh toán: là rủi ro khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro thanh toán ở JSI liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng. Việc quản lý các khoản phải thu của khách hàng của công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro thanh toán từ hoạt động giao dịch cho vay ký quỹ và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán. Từ tháng 2/2017, Chứng khoán Nhật Bản đã dừng cho vay margin. Theo đó, tại thời điểm thực hiện báo cáo này, rủi ro thanh toán chỉ còn liên quan đến dịch vụ cho vay ứng trước.
  - Rủi ro thanh khoản: Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.
  - Rủi ro pháp luật: Các văn bản pháp luật liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán thường xuyên được thay đổi nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán. Công ty thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Ngoài ra, công ty đã và đang nâng cao kiến thức về pháp luật cho đội ngũ cán bộ quản lý cũng như toàn bộ cán bộ nhân viên trong công ty. Bên cạnh đó, việc tham vấn pháp luật của công ty với các đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp cũng được Ban Giám đốc công ty đặc biệt chú trọng. Nhờ đó đã giúp công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp luật.
  - Rủi ro hoạt động: là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, con người trong quá trình tác nghiệp ... Để giảm thiểu các rủi ro này, JSI đã xây dựng quy trình nghiệp vụ cụ thể đến từng phòng nghiệp vụ và phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong công ty. Ngoài ra, các phòng nghiệp vụ thường xuyên tổ chức gặp gỡ và thảo luận bàn ra phương hướng giải quyết trước mỗi một loại hình rủi ro có thể xảy ra. Thực tế, các rủi ro hoạt động ở JSI cũng đã được hạn chế ở mức tối đa.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2017 đã chứng kiến nhiều sự kiện lớn, trong đó, việc chính thức vận hành thị trường chứng khoán phái sinh là một dấu mốc quan trọng trong tiến trình hoàn chỉnh cấu trúc của thị trường chứng khoán Việt Nam. Chỉ số VN-Index cũng đạt đỉnh 970 điểm vào ngày 4/12/2017 (tăng gần 46% so với ngày 30/12/2016), mức vốn hóa thị trường đến cuối năm đạt gần 3.360 nghìn tỷ đồng, tương đương 74,6% GDP, vượt chỉ tiêu đặt ra cho năm 2020. Cũng trong năm 2017, sự hiện diện của những tên tuổi lớn đã và đang góp phần gia tăng tổng giá trị vốn hóa của thị trường chứng khoán lên đáng kể, hàng loạt những cổ phiếu mới niêm yết và giao dịch tập trung tại thị trường chứng khoán, trong đó không thiếu những cái tên có vốn hóa hơn 1 tỷ USD như: Tổng công ty Hàng không Việt Nam (mã: HVN-UPCoM), Tập đoàn dệt may Việt Nam (mã: VGT-UPCoM), Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (mã: PLX-HOSE),...
- Đối với Công ty Chứng khoán Nhật Bản, năm 2017 cũng có một sự kiện quan trọng, đó là việc dừng cho vay giao dịch ký quỹ. Chính thức triển khai margin từ tháng 8/2012, JSI đã không đạt được những kỳ vọng về doanh thu cũng như quảng bá từ dịch vụ này. Thêm vào đó, Công ty cũng đã gặp những rủi ro lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Do đó, Ban Giám đốc trình Hội đồng Quản trị chính thức dừng cho vay giao dịch ký quỹ từ tháng 2/2017

### 2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

Vị trí	Họ và tên	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết (tại ngày 31/12/2017)
<b>Tổng Giám đốc</b>	Atsuhiko Haruyama	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngày sinh: 06/02/1955</li> <li>• Quốc tịch: Nhật Bản</li> <li>• Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế</li> <li>• Quá trình công tác:               <ul style="list-style-type: none"> <li>○ 1979 - 2013: Công ty Nomura tại Nhật Bản</li> <li>○ 08/2013 – nay: Công ty Chứng khoán Japan Asia</li> <li>○ 02/2014 – nay: TGD Công ty Chứng khoán Nhật Bản tại Việt Nam</li> </ul> </li> </ul>	2.13%

<p><b>Phó Tổng Giám đốc kiêm Phụ trách Kế toán</b></p>	<p>Nguyễn Thị Thu Trang</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngày sinh: 29/08/1984</li> <li>• Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>• Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế</li> <li>• Quá trình công tác:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>○ 7/2009 – nay: Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản</li> <li>○ 4/2016 – nay: Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản</li> </ul> </li> </ul>	<p>0%</p>
<p><b>Kế toán trưởng (thuê ngoài)</b></p>	<p>Lê Thị Thu</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngày sinh: 20/08/1989</li> <li>• Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>• Trình độ chuyên môn: Cử nhân</li> <li>• Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán số: 3678/2017/KET</li> <li>• Được thực hiện theo Hợp đồng cung ứng dịch vụ chuyên môn số HAN/HD/201702003 ký ngày 01/02/2017 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản và Công ty TNHH I-glocal</li> </ul>	<p>0%</p>

- Thay đổi trong ban điều hành: Vì lý do cá nhân, bà Dương Thị Kiều Giang – Kế toán trưởng – xin thôi việc tại JSI từ tháng 1/2017. Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thu Trang – Phó Tổng Giám đốc – kiêm nhiệm phụ trách bộ phận Kế toán, đồng thời ký Hợp đồng cung ứng dịch vụ chuyên môn để thuê ngoài vị trí Kế toán trưởng. Theo đó, vị trí Kế toán trưởng của JSI hiện do bà Lê Thị Thu đảm nhiệm. Bà Lê Thị Thu có giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán số 3678/2017/KET và là nhân sự của Công ty TNHH I-glocal.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

BỘ PHẬN	Tính đến 31/12/2017
Ban Giám đốc	2
Quản trị rủi ro	1
Bộ phận Nghiệp vụ	9
Bộ phận Tổng hợp	10
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22</b>

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

- Các khoản đầu tư lớn: không có.
- Các công ty con, công ty liên kết: không có.



4. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	33.443.393.317	32.043.164.516	-4%
Doanh thu thuần	10.761.938.041	10.760.571.115	-0.013%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-5.024.132.917	-473.022.124	90.58%
Lợi nhuận khác	697.005.998	51.797.554	-92.57%
Lợi nhuận trước thuế	-4.409.469.799	-429.950.659	90.25%
Lợi nhuận sau thuế	-4.409.469.799	-429.950.659	90.25%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<b><i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i></b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	12.11	18.06	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	12.11	18.06	
<b><i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i></b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.08	0.05	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.09	0.06	
<b><i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i></b>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.32	0.35	
<b><i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i></b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-41%	-4%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-14%	-1.42%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-13%	-1.34%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-47%	-4.4%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 4.100.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Cổ phiếu thường: 4.100.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VNĐ);
- Cổ phiếu ưu đãi: không có;
- Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 4.100.000 cổ phiếu;
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: không có.

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp	Số vốn góp (VNĐ)
1	<b>Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần của công ty trở lên</b>	<b>82,62%</b>	
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức trong nước (1 tổ chức)	10%	4.100.000.000
	Tổ chức nước ngoài (3 tổ chức)	49%	20.090.000.000
	Cá nhân trong nước (4 cá nhân)	23,62%	9.684.000.000
	Cá nhân nước ngoài (0 cá nhân)	0%	0
2	<b>Tổ chức</b>	<b>59 %</b>	<b>24.190.000.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	49 %	20.090.000.000
	Tổ chức Việt nam	10 %	4.100.000.000
	<b>Cá nhân</b>	<b>41%</b>	<b>16.810.000.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Cá nhân nước ngoài	2.13%	875.000.000
	Cá nhân Việt nam	38.87%	15.935.000.000
3	<b>Trong nước</b>	<b>48.87%</b>	<b>20.035.000.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức trong nước	10%	4.100.000.000
	Cá nhân trong nước	38.87%	15.935.000.000
	<b>Nước ngoài</b>	<b>51.13%</b>	<b>20.965.000.000</b>

	<i>Trong đó:</i> Tổ chức nước ngoài Cá nhân nước ngoài	49% 2.13%	20.090.000.000 875.000.000
4	Cổ đông Nhà nước	0%	0

c. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* không có.

d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* không có.

e. *Các chứng khoán khác:* không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

b. *Chính sách liên quan đến người lao động*

- Số lượng lao động bình quân năm 2017: 19 người/tháng
- Mức lương trung bình đối với người lao động: 17.5 triệu đồng/người/tháng
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
  - Chính sách lương: Công ty đảm bảo cho người lao động được hưởng tất cả các chế độ về lương và phụ cấp theo quy định của pháp luật, phù hợp với năng lực và trình độ của từng người. Ngoài lương cơ bản, người lao động còn được hưởng thưởng/phụ cấp theo năng suất hiệu quả công việc;
  - Chính sách khen thưởng, phúc lợi: Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho người lao động. Các chế độ thưởng cụ thể năm 2017:
    - Tháng lương 13;
    - Thưởng nhân các ngày Lễ, Tết.
  - Chế độ bảo hiểm xã hội: Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty tuân thủ theo đúng qui định pháp luật, nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động trong Công ty.
  - Chính sách khác:

- Thực hiện đầy đủ các qui định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ;
  - Tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động.
- Hoạt động đào tạo người lao động: Công ty thực hiện đào tạo tất cả nhân viên cả về nghiệp vụ chăm sóc khách hàng, ngoại ngữ, và các khóa học nâng cao kỹ năng mềm khác, được tổ chức cả trong và ngoài địa điểm làm việc của Công ty.
  - Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 5,5 giờ/nhân viên/năm (khoảng 150 giờ toàn Công ty trong năm 2017).
  - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.
- c. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*
  - Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Công ty tích cực tham gia ủng hộ các hoạt động hỗ trợ của Phường, Quận nơi Công ty đặt trụ sở.
- d. *Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN*: không.

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Với những thay đổi kịp thời trong chiến lược kinh doanh, cụ thể là dừng hoạt động cho vay margin từ tháng 2/2017, doanh thu từ hoạt động kinh doanh năm 2017 có giảm sút không đáng kể 0,013% so với năm 2016 nhưng khoản lỗ cuối năm chỉ bằng 10% của năm 2016.
- Doanh thu từ môi giới chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu. Giá trị giao dịch của khách hàng Nhật tăng mạnh từ quý 2/2017 và tiếp tục tăng ở những quý tiếp theo, đặc biệt là Quý 4/2017 doanh thu của nhóm khách hàng này đạt hơn 25% tổng doanh thu của cả Công ty trong năm 2017. Trong khi đó, doanh thu môi giới từ khách hàng nội địa lại có chiều hướng ngược lại. Khách hàng cá nhân nội địa có bắt đầu chuyển đi ngày càng nhiều, đặc biệt từ khi Công ty dừng cho vay margin. Chính vì thế doanh thu từ các dịch vụ cung cấp chủ yếu cho đối tượng này cũng giảm sút. Dừng cho vay margin từ tháng 2/2017 nên doanh thu từ hoạt động margin chỉ chiếm khoảng 1% và doanh thu hoạt động ứng trước chiếm 0.6 % tổng doanh thu toàn công ty. Khách hàng tổ chức trong nước cũng giao dịch ít hơn khi JSI tập trung nhiều hơn vào khách hàng ở thị trường nước ngoài.
- Tổng lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2017 là 10,89 tỷ đồng và làm cho nguồn vốn chủ sở hữu giảm chỉ còn 30,78 tỷ đồng.

**2. Tình hình tài chính:**

**a. Tình hình tài sản:**

- Tổng tài sản giảm 1,4 tỷ, trong đó tài sản ngắn hạn giảm 1,68 tỷ và tài sản dài hạn tăng gần 285 triệu đồng.
- Từ khi dùng cho vay margin, Công ty chỉ sử dụng nguồn tiền của mình để cho vay ứng trước tiền bán mà không cần dùng đến nguồn tiền từ vay thấu chi ngân hàng. Lượng tiền nhận rồi, chưa có nhu cầu sử dụng đến của công ty chủ yếu nằm dưới hình thức tiền gửi ngân hàng với nhiều kỳ hạn khác nhau để đảm bảo cho các hoạt động của Công ty. Tổng tiền gửi tính đến 31/12/2017 của Công ty tại ngân hàng là 25 tỷ đồng.

**b. Tình hình nợ phải trả**

- Nợ phải trả giảm 970 triệu đồng, từ 2.66 tỷ đầu năm xuống còn 1.69 tỷ vào cuối năm.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- Hoạt động dịch vụ: Tập trung vào nhóm khách hàng nước ngoài, đặc biệt là các khách hàng tổ chức. Công ty dùng cho vay giao dịch ký quỹ cho khách hàng nội địa nhằm giảm thiểu những rủi ro không đáng có trong quá trình hoạt động.
- Hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro: Tăng cường rà soát và kiểm tra chặt chẽ các hoạt động nghiệp vụ nhằm hạn chế rủi ro trong công ty.
- Hoạt động tổ chức nhân sự và chế độ tiền lương: Khuyến khích và có cơ chế thưởng cho toàn thể nhân viên công ty (không chỉ giới hạn trong số những nhân viên làm nghiệp vụ) tham gia học và thi chứng chỉ hành nghề chứng khoán, có chế độ hỗ trợ chi phí và thời gian học tập.

**4. Kế hoạch trong tương lai**

Công ty Chứng khoán Nhật Bản chính thức thực hiện phiên giao dịch đầu tiên từ ngày 01/07/2009. Từ đó đến nay, sau gần 9 năm hoạt động, do sự khác biệt về cách thức giao dịch của các nhà đầu tư Nhật Bản (đầu tư lâu dài, không đầu cơ) khiến cho giá trị giao dịch cũng như kết quả kinh doanh không đạt được mức như các cổ đông kỳ vọng. Mặc dù Công ty cũng đã thực hiện việc mở rộng sang cả thị trường Việt Nam nhưng do các điều kiện về vốn không đáp ứng được nhu cầu thị trường cũng như đội ngũ nhân sự chưa đủ năng lực để quản trị rủi ro một cách hiệu quả, do đó JSI đã gặp một số rủi ro liên quan đến dịch vụ giao dịch ký quỹ và làm Công ty bị thua lỗ như hiện tại.

Tuy vậy, kỳ vọng của các cổ đông phía Nhật Bản vào thị trường chứng khoán Việt Nam cho đến nay là không đổi. Mục đích khởi thủy khi thành lập JSI là tạo ra một

công ty điều hành bởi thể chế Nhật Bản, hoạt động theo tiêu chí Nhật Bản cũng như dành riêng cho các nhà đầu tư Nhật Bản, cho đến nay mục tiêu này vẫn được duy trì và vẫn luôn được Ban Giám đốc Công ty lấy làm tôn chỉ hoạt động.

Do vậy, cuối năm 2017, cổ đông lớn của JSI là Aizawa đã quyết định mua lại phần lớn cổ phần của Công ty. Kế hoạch đang được bộ phận nhân sự của Công ty triển khai thực hiện. JSI dự kiến sẽ hoàn thành toàn bộ việc chuyển nhượng này trong Quý 1/2018 và sau đó sẽ tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông vào khoảng tháng 4/2018

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có

6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:**

a. **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):** không

b. **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:** Mặc dù Công ty bị lỗ năm 2017, JSI vẫn luôn cố gắng đảm bảo các vấn đề liên quan đến lợi ích của người lao động. Các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ, các hoạt động đào tạo vẫn được công ty tổ chức, nhằm đảm bảo sức khỏe thể chất và tinh thần cho đội ngũ nhân viên toàn Công ty.

c. **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:** JSI luôn ý thức về việc đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương. Mặc dù chưa có đủ điều kiện kinh tế để góp sức vào các chương trình lớn, nhưng JSI luôn cố gắng ủng hộ một phần nhỏ vào các hoạt động được địa phương phát động để phục vụ cộng đồng.

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2017, kết quả kinh doanh của JSI lại tiếp tục báo lỗ. Nhận định của Hội đồng Quản trị về các lý do cụ thể như sau:

- Đối với mảng khách hàng Nhật Bản:

- Các nhà đầu tư Nhật Bản có phong cách và định hướng đầu tư chắc nhưng chậm, họ đầu tư giá trị thay vì đầu cơ. Đây là đối tượng đem lại doanh thu chủ yếu cho JSI khi chiếm đến 67% trong tổng cơ cấu doanh thu của cả Công ty năm 2017
- Các nhà đầu tư Nhật Bản đã rất kỳ vọng vào việc nới room của thị trường và cổ phần hóa/thoái vốn của các doanh nghiệp Nhà nước. Tuy nhiên, trong năm 2017

mới chỉ có vài công ty họ kỳ vọng nói room như FPT, HCM, BMP,... Tính đến cuối năm 2017 chỉ có khoảng 20 công ty đại chúng xác định tỷ lệ “room” tối đa là 100%, phần lớn các Công ty đại chúng niêm yết trên TTCK vẫn chưa thực hiện xác định lại “room”. Và chỉ có 21 doanh nghiệp được Thủ tướng phê duyệt cổ phần hóa (đạt 47.7% so với kế hoạch).

- Các quy định về việc đầu tư vẫn còn phức tạp hay việc tiếp cận các thông tin minh bạch còn khó khăn. Ví dụ như một số doanh nghiệp niêm yết hiện nay vẫn còn e ngại các quy chuẩn về công bố thông tin hoặc chưa chú trọng đến công bố thông tin bằng tiếng Anh, đây là một trong những yếu tố làm khó cho nhà đầu tư nước ngoài khi tiếp cận doanh nghiệp, hay việc phân tích các bản báo cáo tài chính của doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn vì những bản báo cáo đó không theo các tiêu chuẩn kế toán quốc tế... Điều đó làm cho các nhà đầu tư Nhật Bản, nhất là các nhà đầu tư cá nhân còn khá e ngại về việc đầu tư sang thị trường Việt Nam.
  - Theo qui định của Việt Nam hiện nay, các nhà đầu tư người nước ngoài chỉ được sử dụng tiền mặt cho việc đầu tư chứng khoán mà không được sử dụng các dịch vụ tài chính. Trong khi đó, thời gian chuyển đổi ngoại tệ tại Việt Nam được đánh giá là khá dài so với các nước trong khu vực (ví dụ, một nhà đầu tư Nhật Bản mất 2 - 3 ngày mới có thể chuyển đổi tiền Đồng thành tiền Yên, trong khi họ chỉ mất 1 ngày tại Trung Quốc để chuyển đổi từ Tệ sang Yên). Thời gian thanh toán vẫn là T+2 nên để có sẵn tiền trước khi giao dịch chứng khoán tại TTCK Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài phải sẵn sàng một khoản tiền trước tối thiểu 5 ngày làm việc (bao gồm cả thời gian chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch múi giờ) so với ngày chính thức được nhận chứng khoán về tài khoản. Trong khi đó, họ chưa có được cơ chế phòng ngừa rủi ro về tỷ giá tại Việt Nam.
- Đối với mảng khách hàng nội địa:
- Với qui mô vốn nhỏ, JSI thực sự đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc đáp ứng các yêu cầu của nhà đầu tư nội địa. Với các nhà đầu tư cá nhân, họ luôn kỳ vọng vào dịch vụ giao dịch ký quỹ với danh mục chứng khoán cho vay đa dạng, giá trị vay lớn, lãi suất thấp. Dù đưa ra mức lãi suất margin cạnh tranh nhất trên thị trường (10%), nhưng do JSI tuân thủ chặt chẽ các qui định về cho vay margin (tỷ lệ cho vay tối đa đối với 1 mã, đối với 1 khách hàng), điều này khiến cho JSI không thể lôi kéo và giữ chân những khách hàng có giá trị đầu tư cao. Đối với nhóm khách hàng tổ chức trong nước, JSI vẫn tiếp tục giữ quan hệ tốt và khuyến khích khách hàng giao dịch. Cuối năm 2016 và đầu năm 2017, do có những bước đi triển khai trong việc sáp nhập JSI với công ty chứng khoán nội địa khác, nên nhóm khách hàng này đã chủ động giảm bớt giá trị giao dịch tại Công ty.

- Mặc dù Ban điều hành JSI luôn đề cao công tác quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, tuy nhiên không tránh được những rủi ro. Khách hàng Việt Nam thường đề xuất những mã chứng khoán có mức độ rủi ro cao và kỳ vọng lãi suất margin thấp. Số liệu trên báo cáo kế toán quản trị nội bộ cho thấy sự không tương xứng giữa doanh thu đem lại, chi phí bỏ ra cùng mức độ rủi ro đi kèm, do vậy, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt đề xuất của Ban Giám đốc về việc dừng cho vay margin. Điều này cũng có nghĩa là công ty chấp nhận việc các nhà đầu tư nội địa sẽ chuyển sang các công ty chứng khoán khác, chỉ còn lại một số ít nhà đầu tư sử dụng tiền mặt với giá trị giao dịch không đáng kể, và phần doanh thu từ mảng khách hàng nội địa gần như sẽ về 0.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Mặc dù vấn đề nhân sự và công tác quản trị doanh nghiệp đã được Ban Giám đốc chú trọng thay đổi và cải thiện nhưng kết quả kinh doanh vẫn không đạt được kỳ vọng của Đại hội đồng Cổ đông. Năm 2017 là năm thứ 4 liên tiếp JSI có kết quả kinh doanh lỗ vào cuối năm. Tuy nhiên, kể từ thời điểm chính thức dừng dịch vụ margin, JSI không còn các khoản lỗ theo quý. Định hướng của Công ty hiện đang thể hiện đường đi hợp lý và kết quả kinh doanh đang cải thiện theo hướng tích cực. Hội đồng Quản trị kỳ vọng mức lợi nhuận 2018 sẽ cao hơn để có thể dần dần bù đắp cho mức thiếu hụt vốn hiện nay.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Cuối năm 2017, cổ đông lớn của JSI là Aizawa đã quyết định mua lại phần lớn cổ phần của Công ty. Kế hoạch đang được bộ phận nhân sự của Công ty triển khai thực hiện. Do tỷ lệ mua lớn và có yếu tố nước ngoài nên thủ tục chặt chẽ và tốn nhiều thời gian, JSI dự kiến sẽ hoàn thành toàn bộ việc chuyển nhượng này trong Quý 1/2018 và sau đó sẽ tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông vào khoảng tháng 4/2018.

Theo đó, JSI dự kiến:

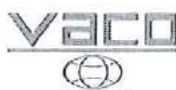
- Với sự hỗ trợ của Aizawa tại thị trường Nhật Bản, Công ty sẽ triển khai các kế hoạch marketing tại đây, theo đó kỳ vọng gia tăng giá trị giao dịch cũng như số lượng các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư tổ chức từ thị trường này.
- Công ty sẽ không triển khai các dịch vụ gia tăng cho nhóm khách hàng trong nước, vừa để tập trung nguồn lực vào nhóm khách hàng mục tiêu, vừa tránh những rủi ro không đáng có trong quá trình hoạt động.
- Đối với vấn đề nhân sự, Công ty tiếp tục định hướng tuyển dụng những nhân sự tốt về ngoại ngữ và có cơ chế khuyến khích nhân sự nghiên cứu học tập về ngành.



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này): JSI không phải là công ty niêm yết.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO  
Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương  
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787  
Website: www.vaco.com.vn

Số: 096/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27/03/2018, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chữ Mạnh Hoàn  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Đặng Thị Minh Hạnh  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3290-2015-156-1

Văn phòng Hồ Chí Minh  
Lầu 6, Tòa nhà HUB, số 190 Điện Biên Phủ  
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (84 20) 30 10 6618  
Fax: (84 20) 30 10 6618

Văn phòng Đồng Nai  
Số 49 đường Hồ Thị Giếp, P. Quyết Thắng  
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
Tel: (81 91) 302 8560  
Fax: (84 61) 392 8560

Văn phòng Hải Phòng  
499 Quận Tesla, P. Quận Tesla  
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84 31) 753 4655  
Fax: (84 31) 353 4316

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃ SỐ B01 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		30.534.649.676	32.219.655.930
I. Tài sản tài chính	110		29.691.009.042	31.260.183.656
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	4.909.329.921	6.010.860.615
1.1. Tiền	111.1		1.909.329.921	6.010.860.615
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		3.000.000.000	-
2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7	23.000.000.000	15.500.000.000
3. Các khoản cho vay	114	8	1.534.636.847	10.148.863.455
4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	9	(1.269.362.568)	(1.263.635.448)
5. Các khoản phải thu	117	10	235.185.733	163.088.811
5.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		235.185.733	163.088.811
5.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		235.185.733	163.088.811
6. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	1.215.396.614	637.981.209
7. Các khoản phải thu khác	122	10	65.822.495	63.025.014
II. Tài sản ngắn hạn khác (130 = 133 => 136)	130		843.640.634	959.472.274
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	11	436.090.009	613.946.037
2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		110.928.388	48.904.000
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	136	15	296.622.237	296.622.237
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)	200		1.508.514.840	1.223.737.387
I. Tài sản cố định	220		241.451.606	47.836.012
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	-	-
- Nguyên giá	222		1.669.525.643	1.710.271.124
- Giá trị hao mòn lũy kế	223.a		(1.669.525.643)	(1.710.271.124)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	241.451.606	47.836.012
- Nguyên giá	228		2.739.892.220	2.489.892.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	229.a		(2.498.440.614)	(2.442.056.208)
II. Tài sản dài hạn khác	250		1.267.063.234	1.175.901.375
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		5.000.000	70.024.388
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	11	13.575.066	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	14	1.248.488.168	1.105.876.987
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>32.043.164.516</b>	<b>33.443.393.317</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÀU SỐ B01 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>1.690.472.913</b>	<b>2.660.751.055</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.690.472.913</b>	<b>2.660.751.055</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	320		197.600.000	4.290.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	15	244.048.014	140.961.690
3. Phải trả người lao động	323		641.262.017	720.614.105
4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		120.210.000	3.490.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	16	410.220.271	345.855.500
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	17	77.132.611	1.445.539.760
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>30.352.691.603</b>	<b>30.782.642.262</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>30.352.691.603</b>	<b>30.782.642.262</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		41.000.000.000	41.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		41.000.000.000	41.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		41.000.000.000	41.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		325.801.831	325.801.831
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		344.013.296	344.013.296
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(11.317.123.524)	(10.887.172.865)
4.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(11.317.123.524)	(10.887.172.865)
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>32.043.164.516</b>	<b>33.443.393.317</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃ SỐ B01 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
1. Ngoại tệ các loại	005			
- USD			296,5	308,6
- JPY			4.357.767	1.810.154
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006		4.100.000	4.100.000
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	19	185.999.780.000	213.663.860.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		185.195.080.000	212.170.090.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		310.000.000	341.170.000
c. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		494.700.000	1.152.600.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	20	7.311.220.000	522.360.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		7.311.220.000	522.360.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	21	318.400.000	31.287.100.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b	22	11.985.436.100	30.687.046.200

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B01 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
5. Tiền gửi của khách hàng	026	23	4.931.196.799	55.918.477.026
5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		4.182.934.159	5.025.015.715
5.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		743.607.446	50.890.538.966
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước (bao gồm đặt cọc đầu giá)	029.1		372.946.648	50.806.446.522
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		370.660.798	84.092.444
5.3. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		4.655.194	2.922.345
6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	24	4.926.541.605	55.915.554.681
6.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		4.555.880.807	55.831.462.237
6.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		370.660.798	84.092.444
7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		4.655.194	2.922.345



Atsunaka Masayoshi  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

*Handwritten signature of Lê Thị Thu*

Lê Thị Thu  
Kế toán trưởng  
Số chứng chỉ hành nghề 3678/KTV  
Công ty TNHH I-GLOCAL  
Địa chỉ: P1206, tầng 12, tòa nhà VP  
IndoChina Plaza Hà Nội, 241 Xuân  
Thủy, P. Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu  
Giấy, Tp. Hà Nội

*Handwritten signature of Nguyễn Thị Linh Chi*

Nguyễn Thị Linh Chi  
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B02 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		-	21.077.724
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1		-	21.077.724
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	25	1.331.506.923	786.263.175
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	25	166.397.410	1.566.746.677
1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		8.140.975.894	7.266.239.409
1.5 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		179.649.000	737.454.000
1.6 Doanh thu lưu ký chứng khoán	09		179.372.667	186.610.208
1.7 Thu nhập hoạt động khác	11		658.402.729	-
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 => 11)	20		10.656.304.623	10.564.391.193
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1 Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21	26	-	25.589.788
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1		-	25.589.788
2.2 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	26	5.727.120	1.554.981.567
2.3 Chi phí môi giới chứng khoán	27	26	6.296.136.921	7.826.007.569
2.4 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	26	395.910.184	1.159.770.188
2.5 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	26	111.817.602	166.710.394
2.6 Chi phí các dịch vụ khác	32	26	8.399.997	33.595.600
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 => 32)	40		6.817.991.824	10.766.655.106
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	27	13.648.577	41.802.298
3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	27	90.617.915	155.744.550
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 => 42)	50		104.266.492	197.546.848
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		5.421.637	45.085.047
4.2 Chi phí lãi vay	52		623	-
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 + 52)	60		5.422.260	45.085.047
<b>V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	62	28	4.410.179.155	4.974.330.805
<b>VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b> (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)	70		(473.022.124)	(5.024.132.917)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B02 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
7.1 Thu nhập khác	71		51.797.554	697.005.998
7.2 Chi phí khác	72		8.726.089	82.352.880
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		43.071.465	614.653.118
<b>VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b> (90 = 70 + 80)	90		(429.950.659)	(4.409.479.799)
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		(429.950.659)	(4.409.479.799)
<b>IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	100		-	-
9.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	29	-	-
9.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
<b>X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b> (200 = 90 - 100)	200		(429.950.659)	(4.409.479.799)
11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/ 1 cổ phiếu)	501	30	(105)	(1.075)

100%  
 C.C.  
 KẾ  
 V  
 NH



Atsuhiko Hanyama  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

*[Handwritten signature]*

Lê Thị Thu  
Kế toán trưởng  
Số chứng chỉ hành nghề 3678/KTV  
Công ty TNHH I-GLOCAL  
Địa chỉ: P1206, tầng 12, tòa nhà VP  
IndoChina Plaza Hà Nội, 241 Xuân  
Thủy, P. Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu  
Giấy, Tp. Hà Nội

*[Handwritten signature]*

Nguyễn Thị Linh Chi  
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃ SỐ B03 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	(429.950.659)	(4.409.479.799)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>	<b>02</b>	<b>136.891.644</b>	<b>657.695.765</b>
- Khấu hao TSCĐ	03	56.384.406	219.173.812
- Các khoản dự phòng	04	5.727.120	1.074.405.438
- Chi phí lãi vay	6	623	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	7	(91.617.915)	(635.883.485)
- Dự thu tiền lãi	8	166.397.410	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>30</b>	<b>(650.089.594)</b>	<b>19.777.694.315</b>
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	-	5.796.914.446
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	(7.500.000.000)	2.700.000.000
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	8.614.226.608	9.443.979.410
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TS tài chính	36	(238.494.332)	755.132.393
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37	(577.415.405)	(322.111.826)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu về khác	39	(2.797.481)	51.484.181
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	64.364.771	(612.648.163)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	164.280.962	(47.028.255)
- (-) Lãi vay đã trả	44	(623)	-
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	193.310.000	4.290.000
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	116.720.000	3.490.000
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	103.086.324	(1.677.627)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48	(79.352.088)	720.614.105
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	(1.368.407.149)	1.443.975.732
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	3.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(142.611.181)	(158.720.081)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>	<b>(943.148.609)</b>	<b>16.025.910.281</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	61	(250.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	62	1.000.000	682.272.727
3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	90.617.915	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>	<b>(158.382.085)</b>	<b>682.272.727</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B03 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay gốc	73	-	119.832.294.284
1.1. Tiền vay khác	73.2	-	119.832.294.284
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	-	(130.699.297.906)
2.1. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3	-	(130.699.297.906)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	-	(10.867.003.622)
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90	(1.101.530.694)	5.841.179.386
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	6.010.860.615	169.681.229
- Tiền	101.1	6.010.860.615	169.681.229
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	4.909.329.921	6.010.860.615



Atsuhiko Haruyama  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Lê Thị Thu  
Kế toán trưởng  
Số chứng chỉ hành nghề 3678/KTV  
Công ty TNHH I-GLOCAL  
Địa chỉ: P1206, tầng 12, tòa nhà VP  
IndoChina Plaza Hà Nội, 241 Xuân  
Thủy, P. Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu  
Giấy, Tp. Hà Nội

Nguyễn Thị Linh Chi  
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B03 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	219.777.722.600	582.427.668.300
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(116.378.829.800)	(597.937.346.300)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	191.025.338.497	824.177.401.734
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(345.233.326.348)	(762.561.124.732)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(179.918.025)	(186.610.208)
6. Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	14	14.868.101.388	14.093.911.925
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	15	(14.866.368.539)	(14.099.813.580)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>	20	<i>(50.987.280.227)</i>	<i>45.914.087.139</i>
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	55.918.477.026	10.004.389.887
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	5.025.015.715	4.699.255.951
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	50.890.538.966	5.296.309.936
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	2.922.345	8.824.000
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	4.931.196.799	55.918.477.026
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	4.182.934.159	5.025.015.715
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	743.607.446	50.890.538.966
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	4.655.194	2.922.345



Atsuhiko Haruyama  
Tổng Giám đốc - TP. Hà Nội  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

*Lê Thị Thu*

Lê Thị Thu  
Kế toán trưởng  
Số chứng chỉ hành nghề 3678/KTV  
Công ty TNHH I-GLOCAL  
Địa chỉ: P1206, tầng 12, tòa nhà VP  
IndoChina Plaza Hà Nội, 241 Xuân  
Thúy, P. Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu  
Giấy, Tp. Hà Nội

*Nguyễn Thị Linh Chi*

Nguyễn Thị Linh Chi  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**  
 Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
 Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

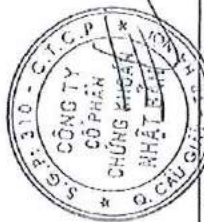
MÃU SỐ B04 - CTCK  
 Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2016	01/01/2017	Năm trước		Năm nay		31/12/2016	31/12/2017
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	41.000.000.000	41.000.000.000	-	-	-	-	41.000.000.000	41.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	18	325.801.831	325.801.831	-	-	-	-	325.801.831	325.801.831
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18	544.013.296	344.013.296	-	-	-	-	344.013.296	344.013.296
4. Lợi nhuận chưa phân phối	18	(6.477.693.066)	(10.887.172.865)	-	(4.409.479.799)	-	(429.950.659)	(10.887.172.865)	(11.317.123.524)
Tổng vốn chủ sở hữu	18	35.192.122.061	30.782.642.262	-	(4.409.479.799)	-	(429.950.659)	30.782.642.262	30.352.691.003

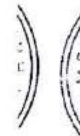
Chi tiết tăng, giảm trong năm của các chi tiêu vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 18.



Atsuhiko Higashimura  
 Tổng Giám Đốc  
 Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Lê Thị Thu  
 Kế toán trưởng  
 Số chứng chỉ hành nghề 3678/KTV  
 Công ty TNHH I-GLOCAL  
 Địa chỉ: P1206, tầng 12, tòa nhà VP  
 IndoChina Plaza Hà Nội, 241 Xuân Thủy, P.  
 Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Nguyễn Thị Linh Chi  
 Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃ SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào ("Công ty")) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 103/UBCK-GP ngày 16/01/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 41.000.000.000 đồng.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điều lệ Công ty được ban hành vào ngày 13/04/2013.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2017 là 21 người (tại ngày 01/01/2017 là 27 người).

##### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

##### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

##### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

##### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

##### Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty gồm:

- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty.
- Công ty TNHH Đầu tư Tanamark; Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể.

#### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 30/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2016. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư 210 thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/IT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃU SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

Ngày 27/12/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 334 đã hướng dẫn hệ thống tài khoản kế toán, mẫu và giải thích báo cáo tài chính, giải thích nội dung, kết cấu của tài khoản kế toán. Thông tư 334, có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 334 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

Những thay đổi và hướng dẫn quan trọng do áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 như sau:

- (i) Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán được đổi tên thành Báo cáo tình hình tài chính; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành báo cáo kết quả hoạt động; báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động mỗi giới ty thác của khách hàng được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính.
- (ii) Tài sản tài chính được phân thành bốn loại là: Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.
- (iii) Quản lý tách biệt tài sản và công nợ của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán và các khoản phải trả.
- (iv) Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL): Được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên báo cáo tình hình tài chính của công ty chứng khoán và chênh lệch đánh giá lại phát sinh sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản tài chính FVTPL trên báo cáo thu nhập toàn diện của công ty chứng khoán.
- (v) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): Được ghi nhận theo giá trị hợp lý và mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ một tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS.
- (vi) Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM): Được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.
- (vii) Các khoản cho vay: Được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Thông tư 210 và Thông tư 334 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016 và các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực khi Luật Kế toán số 88/2015/QH13 có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới") đã được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2015. Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số tài khoản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

Công ty đã áp dụng các thay đổi hướng dẫn kế toán mới theo hai thông tư này và Luật Kế toán số 88/2015/QH13. Việc thay đổi về hướng dẫn kế toán mới không làm ảnh hưởng đến số liệu so sánh của Công ty.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty thực hiện kế toán trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

**Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

168  
NG  
NH  
AT  
VC  
HC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃU SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp**

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/ giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

**Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Thời gian hữu dụng ước tính  
(Năm)  
03

Thiết bị, dụng cụ văn phòng

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở giao dịch chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên.

Đã C  
TY  
H  
ĐÁN  
O  
HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃU SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Các khoản vay**

Các khoản vay được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Doanh thu**

- **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**  
Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.
- **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn chứng khoán:**  
Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.
- **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**  
Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán ở Trung tâm Lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃU SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Doanh thu (Tiếp theo)**

- **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu**  
Là khoản phí chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ hoạt động giao dịch ký quỹ và hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ hoàn thành.
- **Thu nhập hoạt động khác:**  
Doanh thu khác bao gồm doanh thu, từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá và lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Chi phí quản lý công ty chứng khoán**

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo thu nhập toàn diện. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃU SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tại ngày 31/12/2017, Công ty còn khoản lỗ là 11.319.884.194 đồng có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	-	14.847.000
Tiền gửi ngân hàng	1.909.329.921	5.996.013.615
Các khoản tương đương tiền (i)	3.000.000.000	-
	<u>4.909.329.921</u>	<u>6.010.860.615</u>

Ghi chú: (i) Các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1-3 tháng tại Ngân hàng TMCP.

**6. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	Cổ phiếu	VND
a) Cửa nhà đầu tư	84.671.412	1.891.238.663.400
- Cổ phiếu	84.671.412	1.891.238.663.400
	<u>84.671.412</u>	<u>1.891.238.663.400</u>

**7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	23.000.000.000	15.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	23.000.000.000	15.500.000.000
	<u>23.000.000.000</u>	<u>15.500.000.000</u>

**8. CÁC KHOẢN CHO VAY**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá gốc và dự phòng	Giá gốc	Giá gốc và dự phòng
Các khoản cho vay	1.534.636.847	265.274.279	10.148.863.455	8.885.228.007
Cho vay hoạt động Margin (i)	1.284.195.294	14.832.726	9.555.042.922	8.291.407.474
Cho vay hoạt động ینگ trước	250.441.553	250.441.553	593.820.533	593.820.533

Ghi chú: (i) Số dư cho vay hoạt động Margin tại ngày 31/12/2017 phát sinh từ trước ngày 01/01/2017. Số dự phòng khoản phải thu cho vay hoạt động tại ngày 31/12/2017 là 1.269.362.568 đồng (tại ngày 01/01/2017 là 1.263.635.448 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃ SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP**

Đơn vị: VND

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng năm nay				Giá trị lập dự phòng cuối năm	Giá trị lập dự phòng đầu năm	Mức (trích lập)/hoàn nhập trong năm
		Số lượng	Giá số sách kế toán	Giá trị thị trường tại thời điểm lập BC TC	Giá trị lập dự phòng cuối năm			
I	Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	23.000.000.000	23.000.000.000	-	-	-	
	Tiền gửi có kỳ hạn	-	23.000.000.000	23.000.000.000	-	-	-	
II	Tài sản tài chính cho vay							
	Các khoản cho vay	-	1.534.636.847	265.274.279	(1.269.362.568)	(1.263.635.448)	(5.727.120)	
	Cho vay hoạt động Margin		1.284.195.294	14.832.726	(1.269.362.568)	(1.263.635.448)	(5.727.120)	
	Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán		250.441.553	250.441.553	-	-	-	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>24.534.636.847</b>	<b>23.265.274.279</b>	<b>(1.269.362.568)</b>	<b>(1.263.635.448)</b>	<b>(5.727.120)</b>	

028  
CỔ  
KIẾ  
V  
/VH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃU SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	235.185.733	163.088.811
Dự thu tiền lãi - Tiền gửi có kỳ hạn cố định	226.726.030	123.883.562
Dự thu tiền lãi hoạt động giao dịch ký quỹ	8.075.756	38.235.522
Dự thu tiền lãi hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	383.947	969.727
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	1.215.396.614	637.981.209
Phải thu phí và thuế giao dịch chứng khoán	1.191.212.265	430.518.502
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp	-	182.733.000
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	24.184.349	24.729.707
Các khoản phải thu khác	65.822.495	63.025.014
Các khoản phải thu khác	65.822.495	63.025.014

168  
NG  
NI  
AT  
AC  
PIR

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	436.090.009	613.946.037
Chi phí thuê văn phòng, nhà ở cho Tổng Giám đốc	195.888.000	242.088.000
Chi phí trả trước khác	240.202.009	371.858.037
Dài hạn	13.575.066	-
Chi phí trả trước khác	13.575.066	-
<b>Cộng</b>	<b>449.665.075</b>	<b>613.946.037</b>

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Thiết bị, dụng cụ văn phòng	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	1.710.271.124	1.710.271.124
Thanh lý, nhượng bán	(40.745.481)	(40.745.481)
Số dư cuối năm	1.669.525.643	1.669.525.643
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	1.710.271.124	1.710.271.124
Thanh lý, nhượng bán	(40.745.481)	(40.745.481)
Số dư cuối năm	1.669.525.643	1.669.525.643
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

Nguyên giá các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 1.669.525.643 đồng (tại ngày 01/01/2017 là 1.710.271.124 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	2.489.892.220	2.489.892.220
Tăng do mua sắm mới	250.000.000	250.000.000
Số dư cuối năm	<u>2.739.892.220</u>	<u>2.739.892.220</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	2.442.056.208	2.442.056.208
Khấu hao trong năm	56.384.406	56.384.406
Số dư cuối năm	<u>2.498.440.614</u>	<u>2.498.440.614</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu năm	<u>47.836.012</u>	<u>47.836.012</u>
Số dư cuối năm	<u>241.451.606</u>	<u>241.451.606</u>

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 2.459.892.220 đồng (tại ngày 01/01/2017 là 2.246.892.220 đồng).

**14. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nợ ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nợ bổ sung	839.707.338	765.020.213
Tiền lãi phân bổ	288.780.830	220.856.774
	<u>1.248.488.168</u>	<u>1.105.876.987</u>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu	296.622.237	296.622.237
Thuế TNDN nộp thừa	296.622.237	296.622.237
b) Phải trả	244.048.014	140.961.690
Thuế GTGT	2.925.091	460.000
Thuế TNCN	72.557.605	99.807.379
Thuế nhà thầu	168.565.318	40.694.311

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phí giao dịch, phí lưu ký	93.104.334	74.379.539
Trích trước chi phí dịch vụ mua ngoài đã hoàn thành chưa có hoá đơn	182.300.002	131.611.000
Chi phí phải trả khác	134.815.935	139.864.961
	<u>410.220.271</u>	<u>345.855.500</u>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhà đầu tư chuyển tiền đặt quyền mua	-	1.359.183.400
Phải trả khác	77.132.611	86.356.360
	<u>77.132.611</u>	<u>1.445.539.760</u>

36 / T / H / Đ / O / H

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃ SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp	Các quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	41.000.000.000	325.801.831	344.013.296	(6.477.693.066)	35.192.122.061
Lợi nhuận/ (Lỗ) trong năm trước	-	-	-	(4.409.479.799)	(4.409.479.799)
Số dư đầu năm nay	41.000.000.000	325.801.831	344.013.296	(10.887.172.865)	30.782.642.262
Lợi nhuận/ (Lỗ) trong năm	-	-	-	(429.950.659)	(429.950.659)
Số dư cuối năm	41.000.000.000	325.801.831	344.013.296	(11.317.123.524)	30.352.691.603

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	4.100.000.000	10,0%	4.100.000.000	10,0%
Công ty CP Chứng khoán Aizawa	5.945.000.000	14,5%	5.945.000.000	14,5%
Công ty TNHH Japan Asia Securities	-	-	5.945.000.000	14,5%
Tập đoàn Japan Asia	5.945.000.000	14,5%	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Tanamark	8.200.000.000	20,0%	8.200.000.000	20,0%
Các cổ đông khác	16.810.000.000	41,0%	16.810.000.000	41,0%
	41.000.000.000	100%	41.000.000.000	100%

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	31/12/2017	01/01/2017	
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	4.100.000	4.100.000	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	4.100.000	4.100.000	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	đồng/cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	4.100.000	4.100.000	cổ phiếu

**19. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	185.195.080.000	212.170.090.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	310.000.000	341.170.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	494.700.000	1.152.600.000
	185.999.780.000	213.663.860.000

**20. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	7.311.220.000	522.360.000
	7.311.220.000	522.360.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Số dư tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư tại ngày cuối năm và ngày đầu năm lần lượt là 318.400.000 đồng và 31.287.100.000 đồng.

**22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Số dư tài sản tài chính chưa lưu ký của nhà đầu tư tại ngày cuối năm và ngày đầu năm lần lượt là 11.985.436.100 đồng và 30.687.046.200 đồng.

**23. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.182.934.159	5.025.015.715
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	743.607.446	50.890.538.966
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>372.946.648</i>	<i>50.806.446.522</i>
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>370.660.798</i>	<i>84.092.444</i>
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	4.655.194	2.922.345
	<u>4.931.196.799</u>	<u>55.918.477.026</u>

**24. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.555.880.807	55.831.462.237
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	370.660.798	84.092.444
	<u>4.926.541.605</u>	<u>55.915.554.681</u>

**25. CỐ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	1.331.506.923	786.263.175
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	166.397.410	1.566.746.677
	<u>1.497.904.333</u>	<u>786.263.175</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃ SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí môi giới chứng khoán	6.296.136.921	7.826.007.569
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	111.817.602	166.710.394
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	395.910.184	1.159.770.188
Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	25.589.788
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	5.727.120	1.554.981.567
Chi phí các dịch vụ khác	8.399.997	33.595.600
	<u>6.817.991.824</u>	<u>10.766.655.106</u>

**27. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.648.577	41.802.298
Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	90.617.915	155.744.550
	<u>104.266.492</u>	<u>197.546.848</u>

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	2.079.417.945	2.988.240.160
Chi phí vật tư văn phòng	73.148.990	1.360.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	77.315.405
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.138.004.297	1.837.108.750
Chi phí khác	116.607.923	70.306.490
	<u>4.410.179.155</u>	<u>4.974.330.805</u>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(429.950.659)	(4.409.479.799)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

**Kế hoạch chuyển lỗ**

Khoản lỗ tính thuế này chưa được cơ quan thuế quyết toán. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)**

*Kế hoạch chuyển lỗ (tiếp theo)*

Đơn vị: VND

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển
2014	2015 - 2019	3.058.622.908	-	3.058.622.908
2015	2016 - 2020	3.421.830.827	-	3.421.830.827
2016	2017 - 2021	4.409.479.799	-	4.409.479.799
2017	2018 - 2022	429.950.659	-	429.950.659
Tổng		11.319.884.193	-	11.319.884.193

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(429.950.659)	(4.409.479.799)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi		
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	4.100.000	4.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(105)	(1.075)

Công ty đang lỗ lũy kế nên chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

**31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 1.164.240.000 VND.

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2017
	VND
Trong vòng 1 năm tới	695.376.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ 4	

**32. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong năm không tách riêng được, do đó Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các khoản lương, thưởng của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	1.148.500.000	875.729.612
	1.148.500.000	875.729.612

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.909.329.921	6.010.860.615
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	30.352.691.603	30.782.642.262
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.909.329.921	6.010.860.615
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.000.000.000	15.500.000.000
Các khoản cho vay	265.274.279	8.885.228.007
Các khoản phải thu, phải thu khác	1.516.404.842	864.095.034
Các khoản ký quỹ	115.928.388	118.928.388
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.806.937.430</b>	<b>31.379.112.044</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản phải trả	274.732.611	1.449.829.760
Chi phí phải trả	410.220.271	345.855.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>684.952.882</b>	<b>1.795.685.260</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃU SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

33.  
T  
H  
Đ  
O  
H

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MÃU SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.909.329.921	-	4.909.329.921
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.000.000.000	-	23.000.000.000
Các khoản cho vay	265.274.279	-	265.274.279
Các khoản phải thu, phải thu khác	1.516.404.842	-	1.516.404.842
Các khoản ký quỹ	110.928.388	5.000.000	115.928.388
	<u>29.801.937.430</u>	<u>5.000.000</u>	<u>29.806.937.430</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Các khoản phải trả	274.732.611	-	274.732.611
Chi phí phải trả	410.220.271	-	410.220.271
	<u>684.952.882</u>	<u>-</u>	<u>684.952.882</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>29.116.984.548</u>	<u>5.000.000</u>	<u>29.121.984.548</u>
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.010.860.615	-	6.010.860.615
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.500.000.000	-	15.500.000.000
Các khoản cho vay	8.885.228.007	-	8.885.228.007
Các khoản phải thu, phải thu khác	864.095.034	-	864.095.034
Các khoản ký quỹ	48.904.000	70.024.388	118.928.388
	<u>31.309.087.656</u>	<u>70.024.388</u>	<u>31.379.112.044</u>
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản phải trả	1.449.829.760	-	1.449.829.760
Chi phí phải trả	345.855.500	-	345.855.500
	<u>1.795.685.260</u>	<u>-</u>	<u>1.795.685.260</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>29.513.402.396</u>	<u>70.024.388</u>	<u>29.583.426.784</u>

**35. THÔNG TIN KHÁC**

*Về việc dừng hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ*

Theo Thông báo số 001/2017/JSI-TB ngày 23/01/2017, Công ty thực hiện ngừng cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ. Thời gian xử lý cụ thể như sau:

- Thời gian ngừng giải ngân và gia hạn đối với các khoản vay giao dịch ký quỹ: Từ ngày 02/02/2017;
- Thời gian thu nợ các khoản vay và đóng tài khoản giao dịch ký quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ nợ với Công ty: Từ ngày 02/02/2017 đến ngày 28/04/2017;
- Sau ngày 28/04/2017, các tài khoản chưa hoàn thành nghĩa vụ nợ với Công ty, Công ty sẽ áp dụng các biện pháp trên cơ sở "Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản giao dịch ký quỹ chứng khoán" đã ký với khách hàng để tất toán các nghĩa vụ nợ của khách hàng với Công ty và đóng tài khoản giao dịch ký quỹ: Từ ngày 03/05/2017 đến ngày 05/05/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Tầng 3 và tầng 4, tòa nhà Viglacera - Exim  
Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK  
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**35. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**

Công ty đã có thông báo về việc chưa chấm dứt giao dịch ký quỹ và tạm dừng báo cáo giao dịch ký quỹ theo Thông báo số 017/2017/JSI-CBTT ngày 10/05/2017. Đồng thời, đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đã đình mở các hợp đồng mới và đơn đốc xử lý các hợp đồng tồn đọng.

*Về việc sáp nhập Công ty vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam (IVS)*


Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 số 1701/ND/DHDCD ngày 11/3/2017, Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua phương án sáp nhập Công ty vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam (IVS). Việc sáp nhập này cũng được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam chấp thuận.

Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính trên, chưa có phương án sáp nhập nào được hai bên thông qua.

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

  
Atsuhiko Haruyama  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

  
Lê Thị Thu  
Kế toán trưởng  
Số chứng chỉ hành nghề 3678/KTV  
Công ty TNHH I-GLOCAL  
Địa chỉ: P1206, tầng 12, tòa nhà VP  
IndoChina Plaza Hà Nội, 241 Xuân  
Thủy, P. Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu  
Giấy, Tp. Hà Nội

  
Nguyễn Thị Linh Chi  
Người lập biểu

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

  
ATSUHIKO HARUYAMA  
Tổng Giám đốc

